

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/11/2021

V/v tranh chấp: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thái;
2. Bà Bùi Thị Lùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện SH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Xin ly hôn, thụ lý yêu cầu độc lập số 22.1/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2021, thụ lý yêu cầu độc lập số 22.2/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/9/2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn N/M, xã EL, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Chị Dương Thị Thúy T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn N/M, xã EL, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Ngân hàng B chi nhánh tỉnh Phú Yên, do ông Nguyễn Văn T - Giám đốc phòng giao dịch SH, chi nhánh Phú Yên đại diện theo văn bản ủy quyền lại số 685A/QĐ-BIDV00.PY ngày 2N/M/2021. Có mặt.

2. Ngân hàng S chi nhánh tỉnh Phú Yên do ông Quách Đình Vũ T - Trưởng phòng giao dịch huyện SH, Phú Yên đại diện theo văn bản ủy quyền lại số 290/2021/GUQ-CNPY ngày 27/9/2021. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 25 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Lê Ngọc N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Ngọc N và chị Dương Thị Thúy T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã EL, huyện SH, tỉnh Phú Yên vào ngày 18/5/2012. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì chị T bỏ đi khỏi địa phương, từ đó đến nay không về, không quan tâm đến chồng con. Anh N đã nhiều lần tìm cách liên lạc, động viên chị T về giải quyết chuyện gia đình, nợ ngân hàng đến hạn, nhưng chị T không về. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không ai quan tâm ai, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng đã không còn chung sống nên anh N khởi kiện xin ly hôn chị T.

Về con chung: Anh Lê Ngọc N và chị Dương Thị Thúy T có hai con chung là Lê Ngọc Chí K sinh ngày 28/6/2013 và Lê Ngọc Phương V sinh ngày 21/10/2015. Hiện anh N đang trực tiếp nuôi hai con. Anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mà để chị T tự thể hiện trách nhiệm với con.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện, anh N yêu cầu phân chia tài sản và trách nhiệm trả các khoản nợ ngân hàng, nhưng ngày 04/10/2021 anh N có đơn và tại phiên tòa hôm nay anh N rút phần yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Dương Thị Thúy T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ (người thân từ chối không nhận nên đã niêm yết, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng) theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - Đại diện Ngân hàng B trình bày: Ngày 27/4/2021, Ngân hàng B có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, buộc vợ chồng anh Lê Ngọc N chị Dương Thị Thúy T phải trả toàn bộ khoản tiền gốc lãi vay là 307.648.219 đồng. Ngày 25/10/2021 và tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng B rút toàn bộ yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì anh N đã trả xong toàn bộ nợ cho ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - Đại diện Ngân hàng S trình bày: Ngày 10/4/2021, Ngân hàng S có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, buộc vợ chồng anh Lê Ngọc N chị Dương Thị Thúy T phải trả toàn bộ khoản tiền gốc lãi vay là 176.277.000 đồng. Ngày 11/10/2021 và tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng S rút toàn bộ yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì anh N đã trả xong toàn bộ nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm; xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ tài liệu cần thiết để giải quyết vụ án. Nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Lê Ngọc N được ly hôn chị Dương Thị Thúy T; Xét điều kiện thực tế của các bên, giao cháu Lê Ngọc Chí K sinh ngày 28/6/2013 và Lê Ngọc Phương V sinh ngày 21/10/2015 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ hợp đồng tín dụng: Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu do nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập tự nguyện rút yêu cầu.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3.000.000 đồng; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá 3.450.000 đồng, tổng cộng 6.450.000 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thi hành xong nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: anh N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Anh Lê Ngọc N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh giải quyết việc ly hôn với chị Dương Thị Thúy T và cung cấp địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị T tại thôn N/M, xã EL, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng dân sự: Bị đơn Dương Thị Thúy T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ (người thân từ chối không nhận nên đã niêm yết, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng) theo quy định, nên căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, chị T bỏ đi đã lâu không về, không quan tâm đến chồng con, thời gian không chung sống đã lâu, không còn tình cảm nên xin ly hôn chị T. Chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày, tuy nhiên, chính quyền địa phương xác

nhận, chị T bỏ nhà đi từ năm 2019 đến nay không về. Việc chị T bỏ đi đã lâu, không chung sống cùng anh N là đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình:

“*Tình nghĩa vợ chồng*

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”.

Vì vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Dương Thị Thúy T của anh Lê Ngọc N, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh N và chị T có hai con chung là Lê Ngọc Chí Ksinh ngày 28/6/2013 và Lê Ngọc Phương V sinh ngày 21/10/2015. Anh N xin được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, khả năng thực tế của anh N thấy rằng: Anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng con, chị T là mẹ nhưng bỏ đi khỏi địa phương đã lâu, không biết khi nào trở về, cháu Kcó nguyện vọng được ở cùng bố, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng hai con cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên ghi nhận. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con, khi cần thiết anh N và chị T đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 116 Luật Hôn Nhân và gia đình.

Về tài sản và nợ tranh chấp hợp đồng tín dụng: Nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu phân chia tài sản, tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Ngọc N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đăng phát thông báo, xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ, định giá là 6.450.000 đồng, anh N đã thi hành xong nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh N phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập tiền tạm ứng án phí còn thừa, tiền tạm ứng án phí đã nộp trước.

Việc đề xuất giải quyết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 228, 238, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Ngọc N. Anh Lê Ngọc N được ly hôn chị Dương Thị Thúy T.

Về con chung: Giao cho Anh Lê Ngọc N tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Chí Ksinh ngày 28/6/2013 và Lê Ngọc Phương V sinh ngày 21/10/2015, cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con, khi cần thiết anh N và chị T đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 116 Luật Hôn Nhân và gia đình.

Chị Dương Thị Thúy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ hợp đồng tín dụng: Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản, nợ của nguyên đơn Lê Ngọc N. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng B, của Ngân hàng S với anh Lê Ngọc N chị Dương Thị Thúy T.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Ngọc N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đăng phát thông báo, xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ, định giá là 6.450.000 đồng, anh N đã thi hành xong.

Về án phí: Anh Lê Ngọc N phải chịu 300.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 6.550.000^d tạm ứng án phí nộp trước tại biên lai thu tiền số 0005779 ngày 25/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện SH, hoàn trả cho anh N 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Hoàn trả cho Ngân hàng Bdo ông Nguyễn Văn Tn - Giám đốc phòng giao dịch SH, chi nhánh Phú Yên làm đại diện 7.691.000 đồng (bảy triệu sáu trăm chín

mười một ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp trước tại biên lai thu tiền số 0005803 ngày 18/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện SH.

Hoàn trả cho Ngân hàng S do ông Quách Đình Vũ T - Trưởng phòng giao dịch huyện SH, Phú Yên làm đại diện 4.407.000 đồng (bốn triệu bốn trăm linh bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp trước tại biên lai thu tiền số 0005859 ngày 22/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h.Sông Hinh;
- Các đương sự;
- UBND xã EL;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Đông

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

